TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – L phúc**

Số: 531/2022/QĐST-HNGĐ *Thái Nguyên, ngày 12 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 634/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về ly hôn giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1983

ĐKHKTT: Tổ 9, phường X, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

Cư trú: Tổ 15, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

+ Bị đơn: Chị Lê Quỳnh H, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Tổ 9, phường X, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

Cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện A, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2022

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Đ và chị Lê Quỳnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ và chị Lê Quỳnh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung là Bùi Kim B, sinh ngày 02/2/2012. Các đương sự thống nhất: Chị H trực tiếp nuôi con chung, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho

đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ tháng 12/2022. Trường hợp anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, các đương sự tự thỏa thuận về việc tính lãi suất. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh Đ chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đ tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được chuyển từ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai số 0000303 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)